VIETBANK
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

GIẤY NỘP TIỀN/GIẤY NỘP TIỀN KIÊM ỦY NHIỆM CHUYỂN TIỀN

DEPOSIT SLIP/ DEPOSIT SLIP CUM TRANSFER ORDER

Liên 1

QF-01/GDNQ.09.23

Ngày/ *Date:* .....

Số GD/ *Transaction No.:* .....

Mã GDV/ *Staff Code:* .....

Người nộp tiền/ *Depositor:* ..... ☐ **Chịu phí/** *Pay fee*

Số GTTT: ..... **Ngày cấp:** ..... **Nơi cấp:** .....
ID No. *Date of issue* *Place of issue*

Địa chỉ/ *Address:* ..... **Điện thoại:** .....
Tel. No.

.....

Người thụ hưởng/ *Beneficiary:* ..... ☐ **Chịu phí/** *Pay fee*

☐ **Số GTTT:** ..... **Ngày cấp:** ..... **Nơi cấp:** .....
ID No. *Date of issue* *Place of issue*

☐ **Số tài khoản/***Account No.*:

Tại ngân hàng: ..... **Tỉnh/TP:** .....
Beneficiary's Banks *Province/City*

Số tiền bằng số/ *Amount in figures*:

Số tiền bằng chữ/ *Amount in words*: .....

.....

Nội dung/ *Details:* .....

BẢNG KÊ THU TIỀN
List of cash receipts

MỆNH GIÁ *Denomination*	**SỐ LƯỢNG** *Quantity*	**THÀNH TIỀN** *Amount*
TỔNG CỘNG/*Total:*		

Người nộp tiền/ *Depositor*	**Người thu tiền/** *Cashier*	**Giao dịch viên/** *Teller*	**Cấp Kiểm soát/** *Supervisor*

VIETBANK
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

GIẤY NỘP TIỀN/GIẤY NỘP TIỀN KIÊM ỦY NHIỆM CHUYỂN TIỀN

DEPOSIT SLIP/ DEPOSIT SLIP CUM TRANSFER ORDER

Liên 2

QF-01/GDNQ.09.23

Ngày/ *Date:* .....

Số GD/ *Transaction No.:* .....

Mã GDV/ *Staff Code:* .....

Người nộp tiền/ *Depositor:* ..... ☐ **Chịu phí/** *Pay fee*

Số GTTT: ..... **Ngày cấp:** ..... **Nơi cấp:** .....
ID No. *Date of issue* *Place of issue*

Địa chỉ/ *Address:* ..... **Điện thoại:** .....
Tel. No.

.....

Người thụ hưởng/ *Beneficiary:* ..... ☐ **Chịu phí/** *Pay fee*

☐ **Số GTTT:** ..... **Ngày cấp:** ..... **Nơi cấp:** .....
ID No. *Date of issue* *Place of issue*

☐ **Số tài khoản/***Account No.*:

Tại ngân hàng: ..... **Tỉnh/TP:** .....
Beneficiary's Banks *Province/City*

Số tiền bằng số/ *Amount in figures*:

Số tiền bằng chữ/ *Amount in words*: .....

.....

Nội dung/ *Details:* .....

BẢNG KÊ THU TIỀN
List of cash receipts

MỆNH GIÁ *Denomination*	**SỐ LƯỢNG** *Quantity*	**THÀNH TIỀN** *Amount*
TỔNG CỘNG/*Total:*		

Người nộp tiền/ *Depositor*	**Người thu tiền/** *Cashier*	**Giao dịch viên/** *Teller*	**Cấp Kiểm soát/** *Supervisor*